

Số: 70/2024/QĐST-HNGĐ

Thọ Xuân, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Ngọc Công.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Văn Hân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Lê Văn Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 46A/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Lê Đình T**, sinh năm 1979, địa chỉ: **Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

+ Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1980, địa chỉ: **Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Lý Đình T1**, sinh năm 1954, địa chỉ: **Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

+ Bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1965, địa chỉ: **Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

+ Cháu **Lê Thị Phương L1**, sinh ngày 02/5/2009, địa chỉ: **Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu là anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L** trình bày: Anh **T** và chị **L** là vợ chồng, có 03 người con chung, trong đó có cháu **Lê Thị Phương L1**, sinh ngày 02/5/2009. Gia đình chị gái của chị **L** là ông **Lý Đình T1** và bà **Lê Thị T2**, ông **T1** và bà **T2** do hiếm con nên có nguyện vọng được nhận cháu **Phương L1** làm con nuôi. Gia đình anh chị đã đồng ý và hai bên đã đến **UBND xã T** (nay là xã **X**), huyện **T** làm thủ tục cho và nhận nuôi con nuôi. Ngày 06/01/2014, **UBND xã T** đã ra quyết định số 01/QĐ – **UBND** công nhận ông **T1** và bà **T2** là cha mẹ nuôi của cháu **Lê Thị B** (do khi sinh cháu **L1**, ông nội của cháu đi làm thủ tục khai sinh và đăng ký bằng tên ở nhà của cháu là **Lê Thị B**). Sau này gia đình anh chị đã cải chính hộ tịch cho cháu từ **Lê Thị B** thành **Lê Thị Phương L1** theo quyết định cải chính hộ tịch số 29 ngày 13/7/2015 của **UBND xã T** (nay là xã **X**), huyện **T**). Nay cháu **L1** đã lớn và có nguyện vọng được quay về sống chung với bố mẹ đẻ và các anh chị em nên anh chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông **T1**, bà **T2** và cháu **L1**.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu **Lê Thị Phương L1** trình bày: Cháu là con nuôi của bố **Lý Đình T1** và mẹ **Lê Thị T2**. Nguyện vọng của cháu là muốn được quay về ở với bố mẹ đẻ, nay bố mẹ đẻ của cháu là ông **Lê Đình T** và bà **Lê Thị L** làm đơn đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cháu và ông **T1**, bà **T2**, cháu đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bố mẹ nuôi là ông **T1** và bà **T2** đối với cháu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Lý Đình T1** và bà **Lê Thị T2** đều có lời khai trình bày: Năm 2014 ông bà có nhận nuôi cháu **Lê Thị Phương L1** là con ruột của anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L**, quá trình nhận nuôi cháu, gia đình ông đã làm tròn bổn phận bố mẹ nuôi như bố mẹ ruột. Nay cháu đã học lớp 9 và nguyện vọng của cháu cũng muốn về sống với bố mẹ đẻ. Vì vậy ông bà thống nhất với ý kiến của anh **T**, chị **L** và cháu **L1**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và các thành viên tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án căn cứ: Khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Luật nuôi con nuôi, chấp nhận đơn đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi của anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L**.

- Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha mẹ nuôi là ông ông **Lý Đình T1** và bà **Lê Thị T2** đối với con nuôi là cháu **Lê Thị Phương L1**.

- Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ là anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L** và con đẻ là cháu **Lê Thị Phương L1** được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

- Về lệ phí: Căn cứ Điều 149; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L** phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L** có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông **Lý Đình T1** và bà **Lê Thị T2** và cháu **Lê Thị Phương L1**, đều cư trú tại: **Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**, đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu: Năm 2006 ông **Lý Đình T1** và bà **Lê Thị T2** nhận cháu **Lê Thị Phương L1** là con đẻ của anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L** làm con nuôi; các bên có làm hồ sơ nhận nuôi con nuôi và được Ủy ban nhân dân xã **T** (nay là **xã X**), **huyện T** ra quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số: 01/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2014 theo quy định. Quan hệ nuôi con nuôi giữa ông **T1**, bà **T2** đối với cháu **L1** là hợp pháp và các bên đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nay cháu **L1** đã lớn và có nguyện vọng về ở với bố mẹ đẻ để sinh sống, được bố mẹ nuôi là ông **T1**, bà **T2** đồng ý, nên ông **T**, bà **L** có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu **Lê Thị Phương L1**. Xét yêu cầu của anh **T**, chị **L** phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật nuôi con nuôi. Do đó cần chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của anh **T**, chị **L** đối với ông **Lý Đình T1**, bà **Lê Thị T2** và cháu **Lê Thị Phương L1**.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông **T** và bà **L** phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Luật nuôi con nuôi;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L**.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông **Lý Đình T1** và bà **Lê Thị T2** đối với cháu **Lê Thị Phương L1**, sinh ngày 02/5/2009 (theo quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã X), huyện T, tỉnh Thanh Hóa).

Quyền và nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh **Lê Đình T** và chị **Lê Thị L** phải nộp 300.000 đ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ, anh chị đã nộp theo biên lai thu số 0005026 ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. (anh chị đã nộp đủ).

- Quyền kháng cáo: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa án ra quyết định.

- Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Xuân Hồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Công